

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2021
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự;
2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 635/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 30 đường Q, ấp A, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Kiều C, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 15, ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-10-2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị Kiều C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm lẫn nhau, thường xuyên gây gổ, chị C bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân đến nay khoảng 07 năm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn với chị C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2001. Các con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đỗ Thị Kiều C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn K và chị Đỗ Thị Kiều C; các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; anh K phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị C đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các điều 177, 178 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình; anh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh K, chị C. Chị C phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh K và chị C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, không đăng ký kết hôn; năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm, không quan tâm lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy, anh K và chị C chung sống với nhau từ năm 1998 cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận, do đó không công nhận quan hệ giữa anh K và chị C là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2001. Các con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] Về án phí: Anh K phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ; Điều 147, 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn K và chị Đỗ Thị Kiều C.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn H, sinh năm 2001. Các con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai thu số 0005215 ngày 30-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. (đã nộp đủ)

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Anh K, chị C vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thơ